

Bản án số: 104/2026/DS-ST
Ngày: 06-5-2026
V/v Tranh chấp hợp
đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Điềm
2. Bà Trần Thị Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Viết Xuân Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành Phố Hồ Chí Minh:
Không tham gia phiên tòa:

Ngày 06 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2025/DS-ST ngày 20/10/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2026/QĐXXST-DS ngày 25/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N1 (VCB); trụ sở chính: Số A T, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường H, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn:

- + Ông Bùi Hữu T – Chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng;
- + Ông Phạm Nhật P – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng;
- + Ông Mai Thanh H – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng;
- + Bà Bùi Thị Kim N – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng;

Là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP N1 (Theo Giấy ủy quyền số 1129/UQ-BDU-KHBL ngày 25/04/2025) có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Dương Thị Mỹ H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Số I, hẻm I đường N, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên trình bày:** Ngày 22/09/2020 bà Dương Thị Mỹ H1 có ký hợp đồng thẻ tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần N1 (gọi tắt là Ngân hàng V) theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế V1 kèm hợp đồng, hạn mức thẻ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), mục đích là để sử dụng tiêu dùng, lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn 150%, phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 3% giá trị thanh toán tối thiểu chưa thanh toán (tối thiểu 100.000 VNĐ). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Dương Thị Mỹ H1 đã thực hiện giao dịch với số tiền 70.827.334 đồng. Sau đó, bà Dương Thị Mỹ H1 không thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 18/04/2025 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số tiền 70.827.334 đồng nợ gốc sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 20/03/2026 bà Dương Thị Mỹ H1 còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần N1 số tiền là 85.660.100 đồng (T1 mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn một trăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 70.827.334 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi số tiền 14.832.766 đồng (Mười bốn triệu tám trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng) và phí, phạt chậm trả số tiền 0 đồng.

Nay Ngân hàng VCB yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như sau:

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị Mỹ H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N1 số tiền là 85.660.100 đồng (T1 mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn một trăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 70.827.334 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi số tiền 14.832.766 đồng (Mười bốn triệu tám trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng) và phí, phạt chậm trả số tiền 0 đồng.

Buộc Bà Dương Thị Mỹ H1 phải tiếp tục trả lãi, phí phạt chậm trả phát sinh sau ngày 21/3/2026 cho đến ngày thực tế Bà Dương Thị Mỹ H1 trả hết nợ cho Ngân hàng VCB theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V1 kèm Hợp đồng ngày 22/09/2020.

Trong trường hợp Bà Dương Thị Mỹ H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Bà Dương Thị Mỹ H1 bao gồm nhưng không giới hạn các tài sản mà Bà Dương Thị Mỹ H1 đang thế chấp tại các Tổ chức tín dụng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Dương Thị Mỹ H1 gửi trình bày tại bản khai ngày 10/12/2025: Bị đơn có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP N1 theo hồ sơ tín dụng ngày 22/09/2020. Khoản vay được sử dụng đúng mục đích cá nhân theo thỏa thuận tại thời điểm ký.

Về lý do phát sinh nợ quá hạn: Trong thời gian từ năm 2023–2025, bị đơn gặp nhiều biến cố nghiêm trọng về sức khỏe, gia đình và tài chính, ảnh hưởng trực tiếp đến

khả năng chi trả. Bị đơn không trốn tránh nghĩa vụ, mà hoàn toàn do hoàn cảnh bất khả kháng và thu nhập giảm sút nghiêm trọng. Trong thời gian này, bị đơn vẫn trao đổi phía ngân hàng để xin được cơ cấu nợ, giãn nợ, hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, nhưng chưa được hỗ trợ theo hướng giảm áp lực tài chính.

Bị đơn đề nghị Tòa án xem xét tính phù hợp của các khoản phí và lãi phạt, vì khoản nợ phát sinh thêm tăng gánh nặng trong khi bản thân đang không có điều kiện thuận lợi về tài chính, bị đơn đang rất khó khăn.

Về thiện chí trả nợ: Bị đơn khẳng định luôn có thiện chí thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm, nhất là đang thực hiện chuyển nhượng tài sản để chủ động thực hiện trả nợ. Hiện nay bị đơn đang từng bước ổn định lại sức khỏe, công việc và tài chính, nên kính đề nghị Tòa:

- Cho phép bị đơn được trao đổi lại với Ngân hàng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị xem xét giảm mức phạt, giảm lãi phát sinh, hoặc cơ cấu lại khoản vay theo quy định pháp luật.

Bị đơn mong muốn thời gian gia hạn để bị đơn thu xếp đến cuối tháng 3 năm 2026. Bị đơn kính mong Tòa án tạo điều kiện để bị đơn có thể thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng luật nhưng phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP N1 khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Bà Dương Thị Mỹ H1 có nơi cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm 1 khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Căn cứ Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân nơi bị đơn cư trú là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn Bà Dương Thị Mỹ H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng Bà Dương Thị Mỹ H1 đều vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ngân hàng TMCP N1 khởi kiện yêu cầu giải quyết Buộc bà Dương Thị Mỹ H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N1 số tiền là

85.660.100 đồng (T1 mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn một trăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 70.827.334 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi số tiền 14.832.766 đồng (Mười bốn triệu tám trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng). Bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng nhưng đề nghị xem xét giảm mức phạt, giảm lãi phát sinh, hoặc cơ cấu lại khoản vay theo quy định pháp luật do về tài chính, bị đơn đang rất khó khăn.

[2] Xét hợp đồng tín dụng: Ngày 22/09/2020 bà Dương Thị Mỹ H1 có ký hợp đồng thẻ tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần N1 (gọi tắt là Ngân hàng V) theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế V1 kèm hợp đồng, hạn mức thẻ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) mã số khách hàng 12716854. Theo giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V1 dành cho cá nhân này được lập thành 01 bản chính và do Ngân hàng giữ. Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V1 dành cho khách hàng cá nhân được công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng (www.V1.com.vn) hay tại bất kì điểm giao dịch nào hoặc được cung cấp bởi Trung tâm hỗ trợ khách hàng của Ngân hàng V. Bà Dương Thị Mỹ H1 xác nhận có ký Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế V1 kèm hợp đồng, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bà Dương Thị Mỹ H1 đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng V số tiền còn nợ và đã không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo điều khoản hợp đồng mà hai bên đã ký kết, như vậy Bà Dương Thị Mỹ H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nghĩa vụ thanh toán, hiện Bà Dương Thị Mỹ H1 còn nợ Ngân hàng V tổng cộng số tiền là 85.660.100 đồng (T1 mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn một trăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 70.827.334 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi số tiền 14.832.766 đồng (Mười bốn triệu tám trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng).

[3] Xét thấy; bị đơn Bà Dương Thị Mỹ H1 trong quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Bà Dương Thị Mỹ H1 không đến Tòa án. Như vậy thể hiện bị đơn Bà Dương Thị Mỹ H1 vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn và đương sự khác xuất trình và do Tòa án thu thập.

[4] Từ những chứng cứ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn bà Dương Thị Mỹ H1, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N1.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 317, 318, 335, 336, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 99, khoản 2 Điều 100, Điều 103 và điểm a khoản 3 Điều 107 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 8, Điều 22 và Điều 23 Luật Giao dịch điện tử năm 2023

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N1 đối với bị đơn bà Dương Thị Mỹ H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Buộc bà Dương Thị Mỹ H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N1 số tiền là 85.660.100 đồng (Tám mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn một trăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 70.827.334 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi số tiền 14.832.766 đồng (Mười bốn triệu tám trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng) và phí, phạt chậm trả số tiền 0 đồng.

Bà Dương Thị Mỹ H1 phải tiếp tục trả lãi, phí phạt chậm trả phát sinh sau ngày 21/3/2026 cho đến ngày thực tế Bà Dương Thị Mỹ H1 trả hết nợ cho Ngân hàng VCB theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V1 kèm Hợp đồng ngày 22/09/2020, mã số khách hàng 12716854.

Trong trường hợp bà Dương Thị Mỹ H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Bà Dương Thị Mỹ H1 bao gồm nhưng không giới hạn các tài sản mà Bà Dương Thị Mỹ H1 đang thế chấp tại các Tổ chức tín dụng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn bà Dương Thị Mỹ H1 phải nộp 4.283.005 đồng án phí sơ thẩm.

+ Nguyên đơn không phải nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N1 số tiền 2.002.000 đồng theo biên lai số 0022546 ngày 03/10/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự (hoặc người đại diện đương sự) có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 15 Thành phố HCM
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh
(Phòng THADS Khu vực 15 Thành phố HCM)
- Đương sự;
- Lưu: HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong

